TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 02/72018;
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Sượn**;

2/ Ông **Đoàn Thanh Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vĩnh Lộc**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn A Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX-ST ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Tô Thị A** – sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Võ Minh B - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị A trình bày: .Chị và anh Võ Minh B cưới nhau vào năm 2013 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 vào năm 2014. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh B thường xuyên đánh đề, gây nợ, chị đã nhiều lần tha thứ và trả nợ cho anh B, anh B hứa sẽ thay đổi lo làm ăn nhưng đến nay anh B vẫn không sửa đổi nên vợ chồng chị

đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh B.

Về con chung: Có một con chung cháu tên Võ Minh C, sinh ngày 12/11/2016. Hiện tại cháu C đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Minh B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A sinh con về sống bên gia đình vợ, anh đã nhiều lần kêu chị A về sống chung với anh nhưng chị A không chịu. Do buồn nên anh đánh bài bạc và gây nợ vì vậy chị A xin ly hôn với anh. Nay anh vẫn còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn chị A về sống chung với anh, anh đã bỏ cờ bạc và trả hết nợ nần, anh muốn chị A cho anh cơ hội cuối cùng để sửa chữa lỗi lầm, nếu anh còn cờ bạc nữa anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Có một con chung như chị A trình bày, do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B không đồng ý ly hôn với chị A. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, anh đồng ý để chị A tiếp tục nuôi cháu C và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung, xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. về con chung, hiện tại cháu C đang sống ổn định với chị A và anh B cũng đồng ý giao cháu C cho chị A nuôi dưỡng, vì vậy đề nghị Hội đồng ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Tô Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B thường xuyên đánh đề, gây nợ, chị đã nhiều lần tha thứ và trả nợ cho anh B, anh B hứa sẽ bỏ cờ bạc cùng chị lo cho gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi. Anh B trình bày sau khi sinh con được một tháng anh có xuống nhà cha mẹ vợ rước chị A về nhà trọ sống chung với anh nhưng chị A không đồng ý. Do chị A không chịu về, buồn bã nên anh có cờ bạc và gây nợ nần nhưng sau đó anh đã bỏ bài bạc, lo làm ăn và trả hết khoảng nợ cờ bạc. Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân giữa chị A và anh B đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân kéo dài. Đồng thời tại phiên tòa, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh B không có biện pháp nào để hàn gắng tình cảm vợ chồng trong khi chị A cương quyết xin ly hôn. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu C và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B cũng đồng ý để chị A nuôi con nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Xét thấy, cháu C đang sống ổn định với chị A nên yêu cầu của chị A là có sở và phù hợp với ý chí của anh B nên Tòa án chấp nhận.

[4] Đối với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị A.

- Về tình cảm: Chị Tô Thị A được ly hôn với anh Võ Minh B.

- Về con chung:

+ Chị Tô Thị A được quyền nuôi con chung là cháu Võ Minh C, sinh ngày 12/111/2016.

+ Anh Võ Minh B có quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Tô Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014547 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy chị A đã thi hành xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.